

Bản án số **04/2017/HCPT**

Ngày 10/4/2017

“Kiện quyết định hành chính, hành vi
hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Trọng Tiến**

Các Thẩm phán: Ông **Đinh Văn Long**

Ông **Bùi Xuân Liêm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hứa Tấn Chính** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông **Thái Nguyên Toàn** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 20/2016/TLPT-HC ngày 09 tháng 11 năm 2016 về “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2016/HCST ngày 30 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 18/2016/QĐPT-HC ngày 29 tháng 12 năm 2016 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông **Nguyễn T**, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Tổ 8, thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư **Nguyễn S** – Văn phòng luật sư Nguyễn S thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Nam.

2. Người bị kiện:

Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Hồng Quốc C** – Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn H** – Chức vụ: Phó chủ tịch (Văn bản ủy quyền tham gia tố tụng số 2224/UBND-VP ngày 18/11/2016).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông **Trương Công H** – Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Huỳnh Thị T**, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Tổ 08, thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Ông **Phùng Văn P**, sinh năm 1971.

- Bà **Nguyễn Thị Thanh X**, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Tổ 05, thôn V, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Lê T** - Chức vụ: Chủ tịch.

4. *Người kháng cáo:* Ông **Nguyễn T** – Người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Người khởi kiện trình bày:

Ngày 11/4/2015, Ủy ban nhân dân huyện T tổ chức buổi làm việc với ông Nguyễn T, nội dung biên bản thể hiện: Ủy ban nhân dân huyện T thống nhất cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn T từ thửa đất 1040 sang thửa đất 1039b, trong đó đất ở nông thôn 300 m², còn lại là đất trồng cây lâu năm.

Sau khi nộp hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền tại huyện T nhưng không được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông T khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

Ngày 14/12/2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 3098/QĐ-UBND giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn T với nội dung: Không chấp nhận đơn khiếu nại của ông Nguyễn T khiếu nại đề nghị Ủy ban nhân dân huyện T thực hiện theo biên bản làm việc ngày 11/4/2015.

Ngày 15/02/2016 ông Nguyễn T nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T giải quyết:

- Hủy Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn T.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện T thực hiện việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông với toàn bộ diện tích đất tại thửa đất 1039b và diện tích còn lại của thửa 1038 và 1040 sau khi thu hồi diện tích của ba thửa là 1248 m², trong đó đất ở là 300 m², còn lại là đất trồng cây lâu năm.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện T bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần cho gia đình ông.

Ngày 23/6/2016 ông Nguyễn T có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T hủy Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 26/02/2001 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi đất, giao đất để xây dựng nhà ở cho ông Phùng Văn P và bà Nguyễn Thị Thanh X.

Đại diện người bị kiện trình bày:

Khi lập hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Nguyễn T không cung cấp đủ các thủ tục, hồ sơ theo quy định. Ông T xác định đất ở của hộ ông cách lề đường quốc lộ 1A hiện nay ra 3 m thuộc các thửa 1038 và 1040 ảnh hưởng đến hành lang giao thông quốc lộ 1A. Do đó, ông T khiếu nại Ủy ban nhân dân huyện chậm trễ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông là không có cơ sở. Quyết định 3098/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn T là đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

Quyết định 02/QĐ-UBND ngày 26/02/2001 về việc thu hồi đất, giao đất để xây dựng nhà ở cho ông Phùng Văn P, bà Nguyễn Thị Thanh X của Ủy ban nhân dân huyện T được ban hành đúng quy định pháp luật. Ông Nguyễn T không có giấy tờ nào chứng minh quyền sử dụng đất đối với diện tích 160 m² mà Ủy ban nhân dân huyện T đã có quyết định giao đất cho ông P, bà X. Do đó, ông T yêu cầu hủy Quyết

định 02/QĐ-UB ngày 26/02/2001 của Ủy ban nhân dân huyện T là không có cơ sở chấp nhận.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Huỳnh Thị T, ông Huỳnh Văn P, bà Nguyễn Thị Thanh X thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn T và không có ý kiến bổ sung.

- Đại diện UBND xã B trình bày:

Ủy ban nhân dân xã B thống nhất cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T từ thửa đất 1040 sang thửa đất 1039b nhưng phải trừ diện tích đất 160m² đã giao cho ông P và bà X theo Quyết định 02/QĐ-UBND ngày 26/02/2001 của Ủy ban nhân dân huyện T. Diện tích đất 160 m² hiện nay do nhà nước quản lý vì ông P, bà X là những người được giao đất nhưng không thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định pháp luật.

Với nội dung vụ án như trên, Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2016/HCST ngày 30/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Áp dụng Điều 100 Luật đất đai năm 2013; các điểm a, c Khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T: Buộc Ủy ban nhân dân huyện T thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn T đối với thửa đất số 1039b, tờ bản đồ số 15, diện tích 890,5 m², trong đó: Đất ở 300 m², đất trồng cây lâu năm 590,5 m².

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện T thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn T đối với các thửa 1038, 1040 và yêu cầu bồi thường thiệt hại vật chất và tinh thần cho gia đình ông T.

- Giữ nguyên Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T và Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 26/02/2001 của UBND huyện T.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/10/2016 ông Nguyễn T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử:

- Hủy Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

- Hủy Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 26/02/2001 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi đất, giao đất để xây dựng nhà ở cho ông Phùng Văn P và bà Nguyễn Thị Thanh X.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện T thực hiện việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông tại thửa đất số 1039 và các thửa 1038, 1040, trong đó có 300 m² là đất ở.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng thủ tục tố tụng, tạo điều kiện để các bên đương sự tranh luận dân chủ, khách quan.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 3, Điều 241 Luật tố tụng hành chính xử hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2016/HCST ngày

30/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện T; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện T giải quyết lại vụ án theo đúng quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn T rút một phần kháng cáo đối với yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông tại các thửa đất 1038 và 1040. Do vậy, cấp phúc thẩm sẽ không xem xét yêu cầu khởi kiện này khi giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Ông Nguyễn T giữ nguyên kháng cáo đối với các yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn T và buộc Ủy ban nhân dân huyện T thực hiện việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông từ thửa 1040 sang thửa 1039b theo nội dung biên bản làm việc ngày 11/4/2015.

- Hủy Quyết định số 02/QĐ-UB ngày 26/02/2001 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi đất, giao đất để xây dựng nhà ở cho ông Phùng Văn P và bà Nguyễn Thị Thanh X.

Xét kháng cáo của ông Nguyễn T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn T thì thấy:

Ông Nguyễn T được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/4/2000 tại thửa đất số 1040, tờ bản đồ số 15, diện tích 300 m², loại đất ở. Năm 2000, Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T nhưng có sai sót về thửa đất nên ông T có đơn xin cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ thửa 1040 sang thửa 1039b. Quá trình thực hiện việc cấp đổi này, Ủy ban nhân dân huyện T và các cơ quan tham mưu cùng ông Nguyễn T đã có buổi làm việc và đi đến thỏa thuận theo biên bản làm việc ngày 11/4/2015 có nội dung: *“Ủy ban nhân dân huyện T thống nhất cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T từ thửa 1040 sang thửa 1039b theo diện tích đất thực tế mà ông T đang sử dụng tại thửa 1039b, trong đó có 300 m² đất ở, còn lại là đất trồng cây lâu năm”*.

Như vậy, trong trường hợp này với trách nhiệm là cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai, Ủy ban nhân dân huyện T cần thực hiện đúng nội dung đã cam kết và đúng quy định pháp luật; việc ông T yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nằm ngoài thửa 1039b không phải là lý do để Ủy ban nhân dân huyện T không cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất ông T thực tế đang sử dụng tại thửa 1039b. Để thực hiện đúng quy định pháp luật trong khi thực hiện việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T như đã nêu trên, ông T đã nộp hồ sơ gồm: Đơn xin cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, biên bản xác định ranh giới, mốc khu đất, phiếu lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, biên bản họp hội đồng tư vấn đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trích đo thửa đất, giấy xác nhận nguồn gốc đất, tờ trình đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (BL 31-41). Các thủ tục, hồ sơ ông T đã nộp đến Ủy ban nhân dân xã B và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T (BL 09). Căn cứ quy

định tại Điều 76 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Quyết định 586/QĐ-UBND ngày 10/02/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam có đủ cơ sở xác định ông T đã thực hiện đầy đủ các thủ tục đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ủy ban nhân dân huyện T không thực hiện việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T theo nội dung đã cam kết đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn T.

Xét kháng cáo của ông Nguyễn T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 02/2001/QĐ-UB ngày 26/01/2001 của Ủy ban nhân dân huyện T có nội dung thu hồi 160 m² đất do Ủy ban nhân dân xã B quản lý giao cho ông Phùng Văn P và bà Nguyễn Thị Thanh X thì thấy: Diện tích đất này thuộc thửa đất nào, tờ bản đồ số mấy? Mặt khác, ông P, bà X là những người được giao đất nhưng không nhận đất, không biết quyết định nêu trên và thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông T (BL 105-107). Trên diện tích đất 160 m², theo biên bản thẩm định có tại hồ sơ vụ án thấy rằng ông T trồng một số loại cây ăn trái lâu năm như chanh, xoài, nhãn, khế và một số cây ngắn ngày như đu đủ, chuối (BL 125, 126). Ủy ban nhân dân huyện T khi ban hành quyết định giao đất cho ông P, bà X trong khi hiện trạng của diện tích đất này chưa được Ủy ban nhân dân các cấp ở huyện T xác định, làm rõ. Như vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 02/QĐ-UB ngày 26/01/2001 về việc thu hồi đất, giao đất để xây dựng nhà ở cho ông Phùng Văn P và bà Nguyễn Thị Thanh X là chưa đảm bảo căn cứ pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, như: Bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T, nhưng không hủy, hoặc hủy một phần Quyết định 3098/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, không chấp nhận khiếu nại của ông T là không có cơ sở để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T. Ông T khởi kiện quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T nhưng không đưa Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T tham gia tố tụng với tư cách là người bị kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại các Điều 55, 57 Luật tố tụng hành chính ...

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy quan điểm của Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam là có căn cứ. Tuy nhiên, việc xác định người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân hay Ủy ban nhân dân huyện T thì cũng do cùng một chủ thể đại diện theo pháp luật; việc chứng minh, thu thập chứng cứ chưa được thực hiện đầy đủ ở cấp sơ thẩm nhưng tại phiên tòa phúc thẩm đã được bổ sung đầy đủ và đã được chứng minh, làm rõ. Do đó, xét không cần thiết phải hủy Bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát mà chấp nhận kháng cáo của ông T xử sửa Bản án sơ thẩm hủy Quyết định 3098/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn T, buộc Ủy ban nhân dân huyện T thực hiện việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T từ thửa đất 1040 sang thửa đất 1039b theo đúng quy định pháp luật và hủy Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 26/02/2001 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi đất, giao đất để xây dựng nhà ở cho ông Phùng Văn P và bà Nguyễn Thị Thanh X để Ủy ban nhân dân huyện T xem xét lại việc thu hồi đất, giao đất theo đúng quy định của Luật đất đai.

Ông Nguyễn T không phải nộp án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.

Ủy ban nhân dân huyện T phải nộp án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn T sửa Bản án sơ thẩm số 11/2016/HCST ngày 30/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện T.

Áp dụng Khoản 1, điểm b Khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T, xử:

- Hủy Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn T và buộc Ủy ban nhân dân huyện T thực hiện việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn T từ thửa đất 1040 sang thửa đất số 1039b theo đúng quy định pháp luật.

- Hủy Quyết định số 02/QĐ-UB ngày 26/02/2001 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi đất, giao đất để xây dựng nhà ở cho ông Phùng Văn P và bà Nguyễn Thị Thanh X.

2. Án phí:

- Ủy ban nhân dân huyện T phải nộp 200.000 đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hành chính sơ thẩm.

- Hoàn trả cho ông Nguyễn T 200.000 đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0019808 ngày 17/02/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

- Ông Nguyễn T không phải nộp án phí hành chính phúc thẩm, hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng án phí 200.000 đ (*Hai trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0020047 ngày 19/10/2016 tại Chi cục Thi hành án huyện T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 10/4/2017.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện T;
- TAND huyện T;
- THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trương Trọng Tiến